

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-ST

Ngày 13/8/2021

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bạch Đình Ca;

2. Bà Phan Thị Thiện.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thanh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:** Ông Trương Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 13/8/2021, tại Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2021/TLST-DS ngày 19/3/2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-DS ngày 25/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; Địa chỉ: 266-268 đường N, phường 8, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông A, Chức vụ: Phó phòng Giao dịch C (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/10/2017), có mặt.

Địa chỉ: 16A Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Trần Quốc K, sinh năm 1962 và bà Tạ Thị H, sinh năm 1972, đều vắng mặt.

Địa chỉ: Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị Thảo T, sinh năm 1993.

2. Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T và chị H: Ông Trần Quốc K và bà Tạ Thị H (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 07/10/2017) – Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm – Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông A trình bày:*

Ngày 06/9/2019, vợ chồng ông Trần Quốc K và bà Tạ Thị H có vay đáo hạn theo Giấy nhận nợ số LD 1924900554 của Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh Đ – Phòng Giao dịch C (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vay lại với tiền gốc là 550.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 11.2%/năm, phương thức trả nợ gốc đến hết ngày 06/9/2020, mục đích vay để bổ sung vốn chăm sóc cà phê, hồ tiêu.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 11/10/2017 vợ chồng ông K và bà H có ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0923/2017/TC/CK để thế chấp các tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 800764 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 17/12/2002 đứng tên hộ ông Trần Quốc K, thuộc các thửa đất số 137, diện tích 4001 m²; thửa đất số 50, diện tích 476 m² và thửa đất số 51, diện tích 1062 m², cùng tờ bản đồ 9, địa chỉ các thửa đất tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Cùng ngày 11/10/2017, ông K có vay thêm Ngân hàng 25.000.000 đồng theo Hợp đồng tín chấp số 120/2017/TTD/CK ngày 11/10/2017 không thế chấp tài sản, mục đích vay dùng trong chi tiêu, sinh hoạt. Đến ngày 19/5/2021, ông K đã thanh toán xong khoản vay tín chấp trên cho Ngân hàng, do vậy Ngân hàng không yêu cầu giải quyết nữa.

Trong quá trình vay vốn cho đến nay, vợ chồng ông K và bà H đã làm việc với Ngân hàng nhiều lần, nhưng không đủ khả năng thanh toán cho Ngân hàng. Do đó, vợ chồng ông K và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 16/9/2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Quốc K và bà Tạ Thị H phải trả tổng tiền vay là 700.222.317 đồng (trong đó, nợ gốc là 550.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 13/8/2021 là 150.222.317 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp vợ chồng ông K và bà H không thanh toán được nợ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án xử lý toàn bộ tài sản theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

** Đối với bị đơn vợ chồng ông Trần Quốc K, bà Tạ Thị H: Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập nhiều lần nhưng ông K, bà H không đến Tòa án làm việc và cố tình lẩn tránh không đến Tòa để tham gia tố tụng, nên Tòa án không thể lấy lời khai của ông K và bà H.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết và việc thu thập chứng cứ theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Trần Quốc K và bà Tạ Thị H vắng mặt không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng từ khi khai mạc phiên tòa đến khi kết thúc phần tranh luận.

- Về nội dung:

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có căn cứ. Đề nghị HĐXX buộc bị đơn ông Trần Quốc K và bà Tạ Thị H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 700.222.317 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả xong nợ.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà Ngân hàng TMCP S đã rút đối với Hợp đồng tín chấp 120/2017/TTD/CK ngày 11/10/2017 số tiền 25.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Trần Quốc K và bà Tạ Thị H sau khi Tòa án ra Quyết định xét xử đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Xét Hợp đồng cho vay số LD1924900554 ngày 06/09/2019 ký kết giữa Ngân hàng TMCP S với vợ chồng ông Trần Quốc K và bà Tạ Thị H là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo hợp đồng tín dụng nói trên thì Ngân hàng cho ông K và bà H vay số tiền 550.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11.2%/ năm. Đến ngày 06/9/2020, Ông K và bà H vẫn chưa thanh toán xong cho Ngân hàng. Hiện ông K và bà H còn nợ cho Ngân hàng tổng cộng là 700.222.317 đồng (trong đó, nợ gốc là 550.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 13/8/2021 là 150.222.317 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả xong nợ.

Do ông K và bà H đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ và cần chấp nhận và cần buộc ông K và bà H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 700.222.317 đồng (trong đó, nợ gốc là 550.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 13/8/2021 là 150.222.317 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên

cho đến khi trả xong nợ. Kể từ ngày 14/8/2021, ông K và bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[3]. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 0923/2017/TC/CK ngày 11/10/2017 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng, bên thế chấp là ông K và bà H, các bên đã cùng nhau thỏa thuận ký kết thế chấp tài sản là giá trị Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 800764 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 17/12/2002 đứng tên hộ ông Trần Quốc K, thuộc các thửa đất số 137, diện tích 4001 m²; thửa đất số 50, diện tích 476 m² và thửa đất số 51, diện tích 1062 m², cùng tờ bản đồ 9, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là hoàn toàn tự nguyện và đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Nên tài sản thế chấp trong hợp đồng này cần phải được xử lý để thực hiện nghĩa vụ của bên vay là ông K và bà H.

[4]. Sau khi vợ chồng ông K và bà H trả đủ số nợ trên thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông K và bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 800764 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 17/12/2002.

[5]. Trong trường hợp vợ chồng ông K và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[6]. Trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa: Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 25.000.000 đồng mà ông K vay theo Hợp đồng tín chấp số 120/2017/TTD/CK ngày 11/10/2017 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự cần chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[7]. Về chi phí tố tụng và án phí:

- Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền xem xét thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã nộp theo phiếu thu tiền ngày 14/7/2021 của Tòa án là 3.000.000 đồng và có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn.

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 20.000.000 đồng + (700.222.317 đồng – 400.000.000 đồng) x 4% = 32.489.248 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp là 15.185.243 đồng tại Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin theo biên lai thu số AA/2019/00175656 ngày 15/3/2021.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157; Điều 217, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 299, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468, Điều 500 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 58, khoản 1 Điều 68 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án về mức thu án phí, lệ phí Tòa án*”.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã rút đối với số tiền 25.000.000 đồng.

2. Buộc vợ chồng ông Trần Quốc K và bà Tạ Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền là 700.222.317 đồng (*Bảy trăm triệu hai trăm hai mươi hai nghìn ba trăm mười bảy đồng*), trong đó, nợ gốc là 550.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 13/8/2021 là 150.222.317 đồng.

Kể từ ngày 14/8/2021, ông K và bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Sau khi ông K và bà H trả xong nợ gốc và lãi thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có nghĩa vụ trả lại cho ông K và bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất V 800764 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 17/12/2002.

4. Trong trường hợp ông K và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 800764 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 17/12/2002 đứng tên hộ ông Trần Quốc K, thuộc các thửa đất số 137, diện tích 4001 m²; thửa đất số 50, diện tích 476 m² và thửa đất số 51, diện tích 1062 m², cùng tờ bản đồ 9, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về chi phí tố tụng:

Ông Trần Quốc K và bà Tạ Thị H phải chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp tiền chi phí thẩm định là 3.000.000 đồng, nên ông Trần Quốc K và bà Tạ Thị H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

6. Về án phí:

6.1. Ông Trần Quốc K và bà Tạ Thị H phải chịu 32.489.248 đồng (*Ba mươi hai triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 15.185.243 đồng (*Mười lăm triệu một trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin theo biên lai thu số AA/2019/00175656 ngày 15/3/2021.

7. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- P. Kiểm tra- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Đoàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Đoàn